

CHÍNH SÁCH THUẾ CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG TỪ NĂM 1892 ĐẾN 1945

PHẠM THỊ TUYẾT*

Hệ thống thuế của thực dân Pháp ở Đông Dương được chia thành 2 loại cơ bản là: thuế trực thu (dành cho ngân sách hàng xú) và thuế gián thu (dành cho ngân sách Đông Dương). Tuy nhiên, khi ban hành chính sách thuế, chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương thường căn cứ vào sự khác biệt của các đối tượng bị đánh thuế, các địa phương, các vùng miền để định ra các loại thuế và mức thuế khác nhau. ở các thành phố lớn, các trung tâm đô thị, thủ phủ của các tỉnh là những nơi tập trung đông dân cư, có điều kiện thuận lợi hơn trong phát triển kinh tế - xã hội nên chế độ thuế cũng có sự khác biệt so với các vùng ngoài đô thị. Ngoài những khoản thuế đóng cho ngân sách Đông Dương và ngân sách hàng xú, dân cư ở các đô thị còn phải đóng thêm các loại thuế cho ngân sách đô thị. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ đề cập đến một số loại thuế được chính quyền thực dân áp dụng riêng cho dân cư đô thị Hải Dương (năm 1923 là Thành phố Hải Dương) để góp phần làm rõ hơn sự khác biệt trong chính sách thuế của thực dân Pháp ở từng địa phương.

1. Thuế cá nhân

Ngày 8-11-1892 Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định số 605 về việc

thiết lập những nguồn thu đặc biệt tại một số trung tâm đô thị ở Bắc Kỳ dành cho các chi phí về chiếu sáng, đường sá, bảo dưỡng các tòa nhà công cộng... của chính các trung tâm đó. Nguồn thu này bao gồm các loại thuế cá nhân, thuế hồ phân và rác thải, thuế thu giữ tang vật, các loại tiền phạt, tiền cấp giấy phép, thuế lò mổ, thuế xe kéo, thuế chợ và 1/10 thuế môn bài. Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh là những trung tâm đô thị được đặt dưới chế độ của Nghị định này. Tuy nhiên, định mức thuế đối với mỗi đô thị được quy định bằng các Nghị định riêng.

Theo tinh thần đó, Nghị định số 608 của Toàn quyền Đông Dương về việc thiết lập ngân sách đặc biệt của đô thị Hải Dương được ban hành cùng ngày (8-11-1892) với những quy định cụ thể về các loại thuế cá nhân, thuế nhà đất và thuế chiếu sáng được phép thu trong giới hạn đô thị (giới hạn này được xác định cụ thể trong Nghị định 31-12-1892 của Thống sứ Bắc Kỳ). Theo Nghị định số 608, các loại thuế cá nhân đánh vào dân cư đô thị Hải Dương bao gồm: thuế thân và thuế lao dịch của người bản xứ, thuế đặc biệt của người Á kiều và một loại thuế dành cho tất cả các thương gia, kể cả người Âu, người bản xứ và người Á kiều. Còn các loại thuế khác như thuế hồ phân và rác thải, thuế lưu giữ tang vật, các loại tiền phạt,

thuế cấp phép các loại giấy tờ, thuế lò mổ, thuế xe kéo, thuế chợ... được quy định bởi Nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ ngày 31-12-1892.

1.1. Thuế thân và thuế lao dịch của người bản xứ

Trước khi có Nghị định 2-6-1897 của Toàn quyền Đông Dương về chế độ thuế thân đối với dân Bắc Kỳ, chỉ có dân nội đình mới phải đóng thuế thân và đi lao dịch. Mức thuế thân nộp bằng tiền theo quy định của triều đình Huế là 1 quan 5 tiền (tính theo đồng bạc Đông Dương hồi bấy giờ là 0đ 315) (1). Như vậy, đối với dân cư một số đô thị, khi đó “đang ở trong một điều kiện đặc biệt, chưa được phân hạng là nội đình và ngoại đình như dân cư ngoài đô thị” (2) đương nhiên sẽ không có cơ sở để áp dụng loại thuế này và họ cũng sẽ không phải đi lao dịch. Nhằm tận dụng nguồn thu lớn còn đang bị bỏ sót do chính sách thuế của triều đình Huế, Nghị định 8-11-1892 của Toàn quyền Đông Dương về việc thiết lập ngân sách đặc biệt cho các đô thị ở Bắc Kỳ đã đưa ra những quy chế mới về cách đánh thuế đối với dân cư ở những nơi này.

Theo Nghị định số 608, dân bản xứ ở đô thị Hải Dương khi đóng thuế đô thị được phân làm 2 hạng với mức đóng góp như sau:

Hạng 1 - Đàn ông khỏe mạnh có độ tuổi từ 18 đến 54, không được miễn trừ theo luật của bản xứ về đóng góp cá nhân và không có nghề tại nhà: 0đ30.

Hạng 2 - Những người dân không thuộc loại trên: 0đ15 (3).

Như vậy, đối tượng áp dụng của loại thuế này là tất cả dân bản xứ sống trong đô thị, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, nghề nghiệp, chức vụ. Lý do được đưa ra là tất cả

những người này đều được hưởng cùng một lợi ích về chiếu sáng, về đường sá, về an ninh... nên họ phải có nghĩa vụ đóng góp cho những chi phí của các hoạt động đó (4). Thực chất, đây chính là một loại thuế thân đánh vào dân cư đô thị. Mặc dù về hình thức thì định mức thuế thấp hơn so với thuế thân của dân nội đình ngoài đô thị, nhưng với đối tượng đóng thuế đồng hơn nên số thuế thu được vẫn sẽ nhiều hơn. Với chính sách đó, thực dân Pháp sẽ đạt được mục đích tăng tối đa nguồn thu cho ngân sách đô thị nhằm đáp ứng những nhu cầu chi tiêu cho các hoạt động của đô thị.

Ngoài ra, Nghị định này còn quy định thêm: đối với những người thuộc diện đóng thuế hạng 1 còn phải đóng thêm mỗi năm 2 đồng về việc mua lại các sưu dịch. Chỉ những công nhân, viên chức đang tại chức mới được miễn loại thuế này (5). Thực chất, đây chính là hình thức bắt buộc người dân phải chuộc bằng tiền thay cho những ngày đi lao dịch làm “việc nước”, một quy chế mà từ năm 1897 được áp dụng rộng rãi đối với tất cả dân nội đình ở Bắc Kỳ.

Mặc dù từ năm 1896, ngân sách đô thị Hải Dương không còn tồn tại riêng biệt (6), và cũng trong năm này Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định mới (23-2-1896) sửa đổi lại các loại thuế ở đô thị Hải Dương, nhưng các định mức thuế thân và thuế lao dịch dành cho người bản xứ ở đây vẫn giữ nguyên như cũ và có hiệu lực cho đến hết năm 1920. Tuy nhiên, ngay từ năm 1898, khi Pháp thiết lập ngân sách chung cho toàn Đông Dương thì các loại thuế trực thu (trong đó có thuế thân và thuế lao dịch của dân bản xứ) ở Hải Dương được dành cho ngân sách Bắc Kỳ. Sau khi Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định ngày 29-12-1920 về việc áp dụng mức thuế thân cho tất cả các suất đình khỏe mạnh người An Nam ở

Bảng 1: Biểu thuế thân theo Nghị định 3-9-1920 (7) và thuế phụ thu theo Nghị định 14-11-1923 (8) của người Á kiều ở Hải Dương

Phân hạng	Đối tượng đóng thuế	Thuế thân	Thuế phụ thu
Hạng 1	Thương gia đóng thuế môn bài ngoại hạng; hạng 6 mức đầu tiên của thuế môn bài đặc biệt; điền chủ đóng thuế từ 50đ trở lên/năm.	150đ00	3đ00
Hạng 2	Thương gia đóng thuế môn bài hạng 7 và 8 của loại đặc biệt; 2 hạng đầu tiên của loại thông thường; điền chủ đóng thuế mức 40đ - 49đ/năm.	100đ00	2đ50
Hạng 3	Thương gia nộp thuế môn bài hạng 3,4,5 của loại thông thường; điền chủ đóng thuế 20đ - 39đ/năm.	50đ00	2đ00
Hạng 4	Các đối tượng còn lại	12đ00	1đ50

Bắc Kỳ từ 18 đến 60 tuổi là 2đ50 thì từ đó trở về sau, dân bản xứ ở Hải Dương đóng thuế thân theo những quy định chung.

1.2. Thuế đặc biệt của người Á kiều

Cũng giống như ở các đô thị Nam Định, Sơn Tây, Bắc Ninh và Phủ Lạng Thương, người Á kiều sinh sống ở Hải Dương ngoài việc đóng thuế thân cho ngân sách bảo hộ, họ còn phải đóng thêm một loại thuế đặc biệt cho ngân sách đô thị. Tuy nhiên, cách phân hạng và định mức cụ thể của loại thuế này trong từng đô thị không giống nhau. Ở Hải Dương, người Á kiều được phân làm 4 hạng với các mức thuế như sau: Hạng 1: 15đ00; Hạng 2: 5đ00; Hạng 3: 2đ00; Hạng 4: 1đ00 (9).

So với ở Sơn Tây, loại thuế này được đánh theo 4 mức tương tự là 20đ00; 5đ00; 2đ00 và 1đ00 (10), còn ở Bắc Ninh chỉ có 2 mức là 3đ00 và 1đ00 (11). Sự khác biệt về định mức thuế giữa các đô thị có thể do nhu cầu về ngân sách, hoặc có thể do đặc điểm ngành nghề, điều kiện kinh doanh của người Á kiều ở từng nơi không giống nhau. Tuy nhiên, sự bất hợp lý của sắc thuế này là ở chỗ nó chỉ áp dụng cho một số trung tâm đô thị ở Bắc Kỳ trong khi không áp dụng ở hai thành phố Hà Nội và

Hải Phòng là những nơi người Á kiều có điều kiện buôn bán thuận lợi hơn. Vì vậy, ngày 3-7-1894, Toàn quyền Đông Dương đã phải ra Nghị định bãi bỏ loại thuế này đối với người Á kiều ở tất cả các đô thị thuộc Bắc Kỳ và cho phép những người đã đóng thuế của năm 1894 sẽ được hoàn trả lại (12). Mục đích của việc bãi bỏ loại thuế này là nhằm thu hút thêm người Á kiều về các trung tâm đô thị kinh doanh, buôn bán, tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển thương mại ở những nơi này. Làm như vậy, ngân sách đô thị tuy mất đi một nguồn thu, nhưng bù lại, ngân sách bảo hộ lại thu về một khoản lớn hơn từ thuế môn bài.

Sau 30 năm bãi bỏ loại thuế đặc biệt này, với Nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ ban hành ngày 14-11-1923, chính quyền bảo hộ lại tìm cách thiết lập một biểu thuế mới đánh riêng vào dân Á kiều ở Hải Dương với tên gọi là thuế phụ thu nộp cho ngân sách Bắc Kỳ cùng với thuế thân. Loại thuế này cũng được phân thành 4 hạng theo cách phân hạng của loại thuế thân áp dụng cho cùng đối tượng theo Nghị định ngày 3-9-1920. Cụ thể như bảng 1.

Như vậy, so với loại thuế đặc biệt năm 1892 thì loại thuế phụ thu đối với dân Á kiều lúc này đã có nhiều thay đổi. Định mức thuế giữa các hạng chỉ chênh lệch nhau 0đ50, đặc biệt là thuế phụ thu hạng 1 và hạng 2 thấp hơn rất nhiều so với loại thuế đặc biệt cùng hạng trước đây, nhưng ngược lại, thuế phụ thu hạng 4 lại tăng thêm 0đ50 so với thuế đặc biệt cùng hạng. Cách đánh thuế này về mặt hình thức có vẻ như nhẹ hơn và công bằng hơn nhưng thực chất đây chính là một thủ đoạn tăng thuế của thực dân Pháp. Bởi lẽ người Á kiều ở Hải Dương thuộc đối tượng đóng thuế hạng 1 và hạng 2 không nhiều, mà chủ yếu là đối tượng đóng thuế hạng 3 và hạng 4, nên với cách đánh thuế mới này, chính quyền bảo hộ vẫn sẽ đảm bảo được việc tăng nguồn thu cho ngân sách.

1.3. Thuế của thương gia

Cũng vẫn theo Nghị định số 608, tất cả các thương gia không kể là người Âu, người bản xứ hay người Á kiều đều phải đóng một loại thuế hàng năm từ 0đ50 đến 5đ00 tùy theo loại hàng hóa buôn bán và dựa theo sự phân hạng của Nghị định 15-4-1890 về việc đánh thuế môn bài. Mức thuế được quy định như thống kê ở bảng 2.

Bảng 2: Biểu thuế cá nhân của thương gia theo Nghị định 15-4-1890 (14)

Phân hạng	4 hạng đầu	Hạng 5	Hạng 6	Hạng 7	Hạng 8	Hạng 9
Mức thuế	5đ00	4đ00	3đ00	2đ00	1đ00	0đ50

Tuy nhiên, cho đến khi Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định mới (23-2-1896) về việc thống nhất các loại thuế thu trong đô thị Hải Dương thì các thương gia ở đây không còn phải đóng loại thuế này nữa. Như vậy, trong số ba loại thuế cá nhân áp dụng riêng cho đô thị Hải Dương thì người Âu chỉ phải đóng một loại thuế dành cho

các đối tượng là thương gia, mà thời gian đóng loại thuế này cũng rất ngắn. Chính sách này tỏ rõ sự ưu đãi của chính quyền thuộc địa đối với người Âu.

Từ năm 1924, theo Nghị định 12-12-1923 của Toàn quyền Đông Dương, Thành phố Hải Dương sẽ có ngân sách riêng và một trong số các nguồn thu của ngân sách này là tỉ lệ phần trăm bổ sung của các loại thuế trực thu nộp cho ngân sách Bắc Kỳ (thuế cá nhân, thuế môn bài...). Do vậy, ngoài các loại thuế trực thu đóng cho ngân sách Bắc Kỳ, người dân Thành phố Hải Dương (bất kể là người Âu, người Á kiều hay người bản xứ) hàng năm còn phải đóng thêm cho ngân sách thành phố loại thuế theo tỉ lệ phần trăm bổ sung của thuế trực thu. Định mức thuế cụ thể trong từng năm sẽ do ủy ban thành phố quyết định nhưng không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Thống sứ Bắc Kỳ.

2. Thuế nhà đất

Những quy định về thuế nhà đất ở đô thị Hải Dương chính thức được ban hành lần đầu tiên trong Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 8-11-1892. Theo đó, nhà và đất được phân loại để đánh thuế với các mức như sau (13):

- Loại 1: Nhà ở bằng gạch, cửa hàng, nhà của các thương gia, các hộ gia đình khá giả có hoặc không có nghề nghiệp, mức thuế 0đ04/m².

- Loại 2: Nhà ở, cửa hàng, nhà của các thương gia nhỏ, các hộ gia đình kém khá giả hơn, viên chức cấp thấp, công nhân, phu khuân vác, đất đai và nhà phụ các loại

của các nhà bị đánh thuế loại 1, mức thuế 0đ02/m².

- Các loại nhà tranh có diện tích dưới 25m², các tòa nhà công cộng, nhà dành cho các hoạt động thờ cúng được miễn thuế.

- Các khu đất rộng nằm cạnh các con đường có hệ thống chiếu sáng phải nộp thuế chiếu sáng với mức 0đ20/m dài, nhưng mức thuế này tối đa không vượt quá 5đ00.

Với những quy định này, việc phân loại nhà không chỉ dựa trên cơ sở diện tích hay vật liệu làm nhà mà còn dựa vào mức thu nhập và nghề nghiệp của chủ nhà. Tuy nhiên, có một số điểm trong quy định chưa thật rõ ràng dễ dẫn đến những sai lệch trong cách phân loại nhà để đánh thuế. Đó là chưa có những tiêu chí cụ thể để phân biệt giữa “thương gia” và “thương gia nhỏ”, giữa “hộ gia đình khá giả” và “hộ gia đình kém khá giả hơn”, hoặc trong cùng một gia đình có nhiều người làm nhiều nghề khác nhau thì thuế nhà sẽ đánh theo loại nào.

Từ năm 1896, khi ngân sách riêng của các đô thị bị gộp chung vào ngân sách hàng tỉnh cũng là lúc chính quyền bảo hộ thay đổi cách đánh thuế đối với các loại nhà và đất ở đô thị. Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 23-2-1896 đưa ra quy định mới về thuế nhà đất ở đô thị Hải Dương (xem bảng 3).

So với những quy định của Nghị định 8-11-1892 thì cách đánh thuế mới này có nhiều điểm khác biệt. Đó là:

Thứ nhất, đối tượng bị đánh thuế mở rộng hơn trước, bao gồm tất cả các loại nhà và đất trong phạm vi của Hải Dương, kể cả nhà tranh loại nhỏ dưới 25m² và đất không nằm cạnh những con đường có hệ thống chiếu sáng là những đối tượng trước đây không bị đánh thuế.

Thứ hai, thuế nhà không tính theo mét vuông như trước mà chỉ tính theo từng loại nhà; đối với đất không có nhà cũng chỉ áp dụng một mức thuế chung là 0đ50, không phân biệt diện tích và vị trí. Cách phân loại này có nhiều điểm bất hợp lý. Cụ thể như tiêu chí phân loại nhà không rõ ràng, không có cơ sở nào để phân định một cách rạch ròi giữa nhà bằng gạch, mái ngói (loại 1) và nhà bằng gạch, mái ngói nhưng nhỏ hơn (loại 2), hay giữa nhà tranh to rộng (loại 3) và nhà tranh nhưng nhỏ hơn (loại 4). Chính điều này sẽ gây khó khăn trong cách tính thuế và tạo kẽ hở cho việc gian lận thuế, do đó cũng sẽ gây ra sự mất công bằng, vì sẽ có trường hợp nhà bị đánh thuế loại cao nhưng lại đưa xuống loại thấp và ngược lại, nhà bị đánh thuế loại thấp lại đẩy lên loại cao hơn. Việc đánh đồng thuế đất thành một loại cũng là không công bằng.

Thứ ba, cách đánh thuế này sẽ rất có lợi cho những đối tượng có nhà to, đất rộng, giáp đường lớn, nhưng ngược lại không có lợi cho những đối tượng có nhà nhỏ, đất hẹp, trong ngõ hẻm. Điều này sẽ được thể hiện rõ trong bảng 4.

Biểu thuế này đem áp dụng chưa đầy 2 năm thì lại được thay thế bằng một biểu thuế mới. Ngày 5-12-1897, khi ban hành Nghị định về việc thay đổi địa giới của đô thị Hải Dương, Toàn quyền Đông Dương cũng điều chỉnh luôn cách phân loại nhà đất và cách tính thuế mới theo 6 loại như thống kê ở bảng 5.

Nội dung được điều chỉnh trong Nghị định này là việc tách riêng nhà gạch mái ngói nhưng nhỏ và nhà gạch mái tranh thành một loại (loại 2) để phân biệt với loại nhà tranh nhưng to rộng và đánh mức thuế cao hơn (5đ00/nhà), đồng thời loại đất trồng cây trong giới hạn đô thị trước đây không

Bảng 3: Biểu thuế nhà đất ở đô thị Hải Dương theo Nghị định 23-2-1896 (15)

Phân loại	Đối tượng áp dụng	Thuế hàng năm
Loại 1	Nhà gạch, mái ngói	7đ00
Loại 2	Nhà gạch, mái ngói nhưng nhỏ hơn, nhà tranh nhưng to rộng	3đ00
Loại 3	Nhà tranh nhưng nhỏ hơn	1đ00
Loại 4	Đất không có nhà	0đ50
Không phân loại	Các tòa nhà công cộng, các nơi dành cho việc thờ cúng	Miễn thuế

Bảng 4: So sánh mức thuế nhà đất theo Nghị định 8-11-1892 và Nghị định 23-2-1896

Phân loại nhà	Mức thuế quy định năm 1892	Mức thuế quy định năm 1896	Nhận xét
Nhà gạch, mái ngói có diện tích $\geq 200m^2$	$\geq 8đ00$	7đ00	Giảm thuế
Nhà tranh loại to rộng, có diện tích $\geq 100m^2$	$\geq 4đ00$	3đ00	Giảm thuế
Nhà tranh loại nhỏ, có diện tích 25-30m ²	0đ50-0đ60	1đ00	Tăng thuế
Nhà tranh có diện tích dưới 25m ²	Miễn thuế	1đ00	Tăng thuế
Đất nằm bên đường có hệ thống chiếu sáng, chiều dài cạnh giáp đường 5-20m	1đ00-4đ00	0đ50	Giảm thuế
Đất không nằm bên đường có hệ thống chiếu sáng, không tính diện tích	Miễn thuế	0đ50	Tăng thuế

Bảng 5: Biểu thuế nhà đất ở đô thị Hải Dương theo Nghị định 5-12-1897 (16)

Phân loại	Đối tượng áp dụng	Thuế hàng năm
Loại 1	Nhà gạch có tầng, hoặc mái ngói có nhiều gian	7đ00
Loại 2	Nhà gạch mái ngói nhưng nhỏ hơn hoặc nhà gạch mái tranh	5đ00
Loại 3	Nhà tranh nhưng to rộng	3đ00
Loại 4	Nhà tranh nhưng nhỏ hơn	1đ00
Loại 5	Đất trống không có nhà	0đ50
Loại 6	Đất trồng cây, không kể các khu vườn thuộc các nhà	Theo loại cây và theo ND 2-6-1897

phân loại để đánh thuế thì nay cũng bị đánh thuế. Sự điều chỉnh này một mặt là do hoạt động xây dựng ở Hải Dương đang được xúc tiến dẫn đến những thay đổi về loại hình nhà, đất nhưng mặt khác cũng là cách để chính quyền thực dân tăng thuế. Mục đích tăng thuế đã đạt được nhưng những điểm bất hợp lý của Nghị định 23-2-1896 lại chưa được khắc phục, bởi những tiêu chí phân loại nhà vẫn không rõ ràng. Phải đến khi Toàn quyền Đông Dương ban

hành Nghị định mới (27-12-1899) về việc thống nhất các loại thuế nhà đất trong tất cả các trung tâm hành chính và thủ phủ của các tỉnh Bắc Kỳ thì những hạn chế đó mới được khắc phục. Theo Nghị định này, thuế nhà đất ở đô thị bắt đầu từ ngày 1-1-1900 sẽ được tính theo mét vuông và theo vùng như thống kê ở bảng 6.

Đối với các dãy nhà phụ và công trình phụ nằm ở phía sau đường được đánh thuế dựa theo vùng thấp hơn so với vùng mà các tòa nhà

Bảng 6: Biểu thuế nhà đất áp dụng trong tất cả các trung tâm hành chính và thủ phủ của các tỉnh Bắc Kỳ theo Nghị định 27-12-1899 (17)

Phân loại	Đối tượng áp dụng	Đơn vị tính	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
Loại 1	Nhà gạch có tầng	m ² /năm	0đ04	0đ03	0đ025
Loại 2	Nhà gạch không có tầng	m ² /năm	0đ03	0đ025	0đ02
Loại 3	Nhà bằng tranh, gỗ hoặc tre	m ² /năm	0đ015	0đ01	0đ005
Loại 4	Đất trống	m ² /năm	0đ0025	0đ00125	0đ000625

Bảng 7: Biểu thuế nhà đất ở thành phố Hải Dương theo Nghị định 27-1-1925 (18)

Phân loại	Đối tượng áp dụng	Đơn vị tính	Vùng 1	Vùng 2
Loại 1	Nhà gạch có tầng	m ² /năm	0đ06	0đ04
Loại 2	Nhà gạch không tầng	m ² /năm	0đ04	0đ03
Loại 3	Nhà tranh	m ² /năm	0đ02	0đ01
Loại 4	Đất không có nhà như vườn, sân, ao...	m ² /năm	0đ0025	0đ00125

Bảng 8: Thuế cố định của các công trình xây dựng trong phạm vi thành phố Hải Dương theo Nghị định 12-12-1934 (19)

Loại công trình	Diện tích 0 - 200mq	Diện tích 200 - 300mq	Diện tích 300 - 400mq	Diện tích trên 1.000mq
A- Công trình xây bằng vữa, mục đích để ở				
1- Nhà riêng hoặc nhà để cho thuê biệt lập có tầng	4đ00	5đ00	6đ00	8đ00
2- Nhà riêng hoặc nhà để cho thuê biệt lập 1 tầng	3đ00	4đ00	5đ00	6đ00
3- Căn hộ có tầng	2đ00	3đ00	4đ00	5đ00
4- Căn hộ 1 tầng	1đ25	2đ00	2đ20	2đ50
B- Công trình xây dựng bằng vữa, dùng cho mục đích công nghiệp				
1- Nhà tầng làm khách sạn, quán cà phê, nhà hàng hay các hình thức kinh doanh, ngành nghề khác	7đ00	9đ00	12đ00	14đ00
2- Nhà 1 tầng dùng cho mục đích công nghiệp và thương mại	6đ00	8đ00	10đ00	12đ00
C- Công trình xây dựng bằng gỗ, mái ngói, nền nhà bằng vữa hoặc lát gạch				
1- Tất cả các nhà riêng	1đ50	2đ00	2đ00	3đ00
2- Tất cả các căn hộ	0đ50	0đ70	0đ90	1đ00

chính được phân loại. Cách đánh thuế này với những tiêu chí phân loại nhà đất cụ thể, rõ ràng tỏ ra công bằng và hợp lý hơn. Sau khi trung tâm đô thị Hải Dương được chuyển thành Thành phố Hải Dương (12-12-1923), thuế nhà đất trong giới hạn thành phố được áp dụng theo Nghị định mới của Thống sứ Bắc Kỳ ngày 14-11-1923, nhưng về cơ bản vẫn giữ nguyên như mức cũ theo Nghị định 27-12-1899, chỉ có một vài điểm được điều chỉnh lại như sau:

- Địa giới Thành phố Hải Dương được phân thành 2 vùng nên thuế nhà đất cũng tính theo 2 vùng (vùng 1 và vùng 2) và vẫn giữ nguyên mức cũ.

- Các dãy nhà phụ và công trình phụ xây dựng ở vùng 1 nằm sau đường công cộng bị đánh thuế như mức nhà ở vùng đó (20).

Tuy nhiên, sau khi có quyết định thành lập Thành phố Hải Dương (12-12-1923), hoạt động xây dựng nhà ở trong các khu dân cư diễn ra khá tấp nập không chỉ trong phạm vi khu vực trung tâm thành phố (vùng 1) mà còn lan rộng ra cả khu vực ngoài trung tâm (vùng 2) làm biến đổi mạnh mẽ diện mạo Thành phố Hải Dương. Khi đó, chính quyền thành phố tìm cách tăng nguồn thu từ thuế bằng việc đề nghị mở rộng giới hạn vùng 1 và nâng mức thuế nhà đất. Theo đề nghị của ủy ban thành phố, ngày 12-1-1925, Thống sứ Bắc Kỳ ban hành Nghị định về việc điều chỉnh giới hạn vùng 1 của Thành phố Hải Dương và ngày 27-1-1925 ban hành tiếp Nghị định về thuế nhà đất trong phạm vi thành phố (xem bảng 7).

Như vậy, mức thuế đất vẫn giữ nguyên, nhưng thuế một số loại nhà ở cả 2 vùng đều được nâng lên từ 0,005đ đến 0,02đ/m²/năm. Cách đánh thuế này được duy trì cho đến cuối năm 1934. Theo quy định mới của Thống sứ Bắc Kỳ (Nghị định 12-12-1934),

ngoài thuế nhà đất thông thường vẫn tính theo mét vuông và theo năm như mức cũ, chính quyền thành phố được phép thu thêm một loại "thuế cố định" đối với các công trình xây dựng dưới dạng nhà trong phạm vi Thành phố Hải Dương với nhiều mức khác nhau (xem bảng 8).

Như vậy, chỉ trừ những nhà tranh vách đất, còn lại hầu hết các loại nhà, không kể là nhà để ở, cho thuê hay để sản xuất, kinh doanh nằm trong giới hạn Thành phố Hải Dương đều phải đóng loại thuế cố định. Mức thuế mà các chủ nhà phải đóng thêm hàng năm thấp nhất là 0đ50 và cao nhất là 14đ00. Tuy nhiên, cách tính thuế này chỉ được áp dụng trong vòng 1 năm. Kể từ 1-1-1936, theo Nghị định 6-5-1936 của Thống sứ Bắc Kỳ, thuế nhà đất ở Thành phố Hải Dương lại được điều chỉnh, trong đó đối tượng được điều chỉnh là thuế đất và thuế cố định, còn các loại thuế nhà (tính theo mét vuông và theo năm) vẫn giữ nguyên mức cũ. Thuế đất được phân làm 2 loại: đất ở không có nhà (loại 4) vẫn theo mức cũ, còn đất vườn, ruộng lúa, ao... (loại 5) bị đánh thuế ở mức thấp hơn (0đ0008/m²/năm đối với vùng 1 và 0đ0007/m²/năm đối với vùng 2). Thuế cố định chỉ áp dụng đối với các công trình xây bằng vữa dùng để ở hoặc dùng cho mục đích công nghiệp và thương mại. Trong đó, loại nhà ở có 2 đối tượng bị đánh thuế là: nhà riêng nhiều gian, có tầng và nhà riêng nhiều gian, 1 tầng với mức thuế 2đ00/năm và 1đ25/năm (21). Còn đối với các công trình xây bằng vữa dùng cho mục đích công nghiệp hoặc thương mại được phân loại để đánh thuế như bảng 9.

Như vậy, khác với loại nhà ở được giảm thuế hoặc miễn thuế cố định, các công trình phục vụ mục đích công nghiệp hoặc thương mại lại bị tăng thuế mỗi loại từ 1đến 2

đồng. Đây cũng là lần điều chỉnh cuối cùng của chính quyền thuộc địa đối với thuế nhà đất ở Thành phố Hải Dương.

3. Thuế xây dựng

Nếu như chính sách thuế nhà đất ở đô thị Hải Dương được thay đổi rất nhiều lần với rất nhiều văn bản khác nhau thì ngược lại, đối với thuế xây dựng không có quá nhiều văn bản quy định về điều này. Từ năm 1892 đến 1940, chỉ có hai văn bản quy định về loại thuế này áp dụng trong suốt hai giai đoạn 1892-1923 và 1924-1940. Văn bản thứ nhất là Nghị định của Toàn quyền Đông Dương về việc xác định địa giới đô thị Hải Dương và các loại thuế được phép thu cho ngân sách đô thị, ban hành ngày 31-12-1892. Văn bản thứ hai là Nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ về việc thay đổi chu vi của đô thị Hải Dương, ban hành ngày 14-11-1923, trong đó có một số nội

dung điều chỉnh đối với thuế xây dựng. Trên cơ sở nghiên cứu cách tính thuế cho hoạt động cấp phép xây dựng ở đô thị Hải Dương được đề cập trong hai Nghị định này, chúng tôi lập thành bảng 10.

Nhìn vào bảng trên có thể nhận thấy, nội dung điều chỉnh của Nghị định 14-11-1923 về thuế xây dựng thể hiện ở sự phân biệt cụ thể giữa nhà gạch có tầng với nhà gạch không tầng; một số loại thuế được điều chỉnh tăng lên nhưng không nhiều (thuế xin phép sửa chữa nhà gạch có tầng và không tầng); một số loại thuế khác được điều chỉnh giảm xuống (thuế xin phép sửa chữa nhà tranh, xây dựng nhà gạch không tầng và xây dựng cầu tàu).

Tuy nhiên, có thể nhận thấy một số thay đổi trong các quy định về xây dựng đô thị. Ví dụ như, theo Nghị định 14-11-1923, không

Bảng 9: Thuế cố định của các công trình xây dựng bằng vữa dùng cho mục đích công nghiệp hoặc thương mại trong phạm vi thành phố Hải Dương theo Nghị định 6-5-1936 (22)

Loại công trình	Diện tích 0 - 200mq	Diện tích 200 - 300mq	Diện tích 300 - 100mq	Diện tích trên 1.000mq
Nhà có tầng	8đ00	10đ00	13đ00	18đ00
Nhà 1 tầng	7đ00	9đ00	12đ00	16đ00

Bảng 10: Thuế xây dựng áp dụng ở Hải Dương theo Nghị định 31-12-1892 (23) và Nghị định 14-11-1923 (24)

Yêu cầu	Loại công trình	Mức thuế theo ND 31-12-1892	Mức thuế theo ND 14-11- 1923
Xác định mốc giới	Nhà gạch	0đ50	
	Nhà tranh	0đ15	
Xác định chiều cao	Nhà gạch	0đ50	
	Nhà tranh	0đ15	
Xác định mốc giới, chiều cao và xin phép xây dựng	Nhà gạch	1đ00	
	Nhà gạch có tầng		1đ00
	Nhà gạch không tầng		0đ80
Xin phép sửa chữa nhà mà không xác định chiều cao và mốc giới	Nhà tranh	0đ30	0đ30
	Nhà gạch	0đ25	
	Nhà gạch có tầng		0đ50
Xin phép xây dựng các công trình chia ra đường công cộng	Nhà gạch không tầng		0đ30
	Nhà tranh	0đ15	0đ10
	Ban công, ô văng...	0đ10/m ²	
Xin phép xây dựng	Cầu tàu, cầu bến	0đ15/m ²	0đ20/m

còn loại thuế dành riêng cho từng yêu cầu xác định chiều cao hay mốc giới nhà khi xây dựng mà không phải xin phép. Điều đó có nghĩa là tất cả các nhà trong toàn bộ giới hạn đô thị Hải Dương khi xây mới đều bắt buộc phải tuân thủ theo quy định chung về chiều cao, mốc giới và phải xin phép. Ngược lại, không có loại thuế cấp phép cho việc xây dựng các công trình chừa ra đường công cộng. Điều này cũng đồng nghĩa với việc các công trình khi xây dựng không được phép chừa ra đường công cộng. Tất cả những quy định này đều có ý nghĩa rất lớn trong việc thiết lập trật tự và bảo đảm mỹ quan, văn minh đô thị.

Đầu năm 1940, Công sứ - Đốc lý Hải Dương vì muốn tăng thuế xây dựng nên đã hợp thức hóa điều này bằng việc lấy ý kiến của các ủy viên ủy ban thành phố và dễ dàng nhận được sự đồng thuận từ phía những người này (30-1-1940). Theo quy định mới, thuế xin phép xây dựng nhà có xác định mốc giới, chiều cao không tính theo đơn vị “nhà” như trước mà sẽ tính theo đơn vị “mét” với các mức như sau: nhà gạch có tầng: 0đ50/m; nhà gạch không tầng: 0đ40/m; nhà tranh: 0đ10/m. Còn thuế xin phép sửa chữa nhà vẫn tính theo đơn vị “nhà” nhưng được điều chỉnh lại với 3 mức là: nhà gạch có tầng: 1đ00/nhà; nhà gạch không tầng: 0đ50/nhà; nhà tranh: 0đ10/nhà (25). Mức thuế này được duy trì cho đến khi kết thúc chế độ thuộc địa.

4. Thuế xe

Đây là loại thuế áp dụng riêng trong phạm vi đô thị Hải Dương, một trong những nguồn thu của ngân sách đô thị, sau này là ngân sách Thành phố Hải Dương theo các quy định trong Nghị định số 605 (8-11-1892) và Nghị định 12-12-1923 của Toàn quyền Đông Dương. Tuy nhiên, ban đầu chỉ có một mức thuế duy nhất là 0đ50/tháng áp dụng đối với việc cấp giấy phép lưu hành cho xe kéo cho thuê ở đô thị Hải Dương (26). Phải đến Nghị định 14-11-1923 của Thống sứ Bắc Kỳ mới có những quy định cụ thể về các mức thuế đối với từng loại xe khác nhau (Xem bảng 11).

Những quy định này cho thấy đã có sự phân biệt về đối tượng bị đánh thuế và mức thuế cho từng loại đối tượng. Xe ô tô và xe kéo cho thuê cùng chịu chung một mức thuế 0đ20 để được cấp giấy phép lưu hành; thuế đi lại chỉ đánh vào những xe ô tô cho thuê, không đánh vào những xe ô tô riêng nhưng lại đánh vào tất cả các loại xe kéo; thuế đi lại của xe ô tô cho thuê (2đ00) chỉ cao gấp 2 lần so với xe kéo bánh cao su và gấp 4 lần so với xe kéo không phải bánh cao su. Sau đó, mức thuế của xe không phải bánh cao su lại được nâng lên bằng mức của xe bánh cao su là 1đ00/tháng theo Nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ ngày 16-6-1924. Như vậy, chính quyền bảo hộ Pháp đã thẳng tay đánh thuế đối với những người dân nghèo đi làm thuê (đối tượng phải đóng thuế chủ yếu), còn các chủ phương tiện lớn

Bảng 11: Thuế xe áp dụng ở Thành phố Hải Dương theo Nghị định 14-11-1923 (27)

STT	Phân loại	Đơn vị tính	Mức thuế
1	Cấp giấy phép lưu hành cho xe ô tô và xe kéo cho thuê	giấy phép	0đ20
2	Thuế đi lại của xe kéo bánh cao su	xe/tháng	1đ00
3	Thuế đi lại của xe kéo không phải bánh cao su	xe/tháng	0đ50
4	Thuế đi lại của xe ô tô cho thuê	xe/tháng	2đ00
5	Thuế đi lại của xe ba gác chở vật liệu	xe/tháng	0đ30